

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Ngày 02/01/2019

ASEANSC RESEARCH

## MỤC LỤC

|                                     |    |
|-------------------------------------|----|
| Nhận định thị trường                | 1  |
| I. Thông tin doanh nghiệp           | 1  |
| II. Tin kinh tế trong nước nổi bật  | 1  |
| III. Tin quốc tế nổi bật            | 1  |
| Tổng hợp diễn biến thị trường       | 2  |
| IV. Tổng quan giao dịch NĐT NN      | 2  |
| Tỷ lệ ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index | 3  |
| Phân tích kỹ thuật                  | 4  |
| Chứng khoán thế giới                | 5  |
| Đầu tư theo nhóm ngành              | 6  |
| Giá hàng hóa thế giới               | 7  |
| Danh mục của CANSLIM                | 8  |
| Báo cáo công ty                     | 9  |
| Báo cáo cập nhật ngành              | 10 |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật          | 11 |
| Lịch sự kiện chứng khoán nổi bật    | 12 |

## I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

### Đất Xanh Group (DXG) ước lãi ròng hợp nhất 1.150 tỷ năm 2018

Lũy kế cả năm, DXG ước tổng doanh thu hợp nhất đạt 5.000 tỷ, lãi ròng đạt 1.150 tỷ đồng, đồng thuận tăng 53% so với cùng kỳ. Tương ứng, EPS cả năm 2018 ước đạt 3.286 đồng. Chi tiết, hoạt động dịch vụ tăng khá mạnh 87%, đóng góp doanh thu 3.000 tỷ đồng, trong đó năm 2018 DXG phân phối gần 18.000 sản phẩm.

### Tập đoàn Bảo Việt thoái vốn khỏi dự án 'Thành phố giao lưu'

Vigeba hiện có 3 cổ đông sáng lập còn góp vốn là Tập đoàn Bảo Việt (góp 54 tỷ đồng, tỷ lệ 30%), CTCP Tập đoàn Geleximco (30%) và Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC (10,56%). Ông Vũ Văn Tiền là Chủ tịch HĐQT Vigeba, đồng thời ông Tiền cũng là Chủ tịch của Geleximco.

## TỔNG QUAN TTCK QUỐC TẾ

| KHU VỰC | CHỈ SỐ     | +/-       | ĐIỂM      |
|---------|------------|-----------|-----------|
| MỸ      | Dow Jones  | ↑ 265.06  | 23,327.46 |
|         | S&P 500    | ↑ 21.11   | 2,506.85  |
|         | Nasdaq     | ↑ 50.76   | 6,635.28  |
|         | FTSE 100   | ↓ -5.84   | 6,728.13  |
| CHÂU ÂU | DAX        | ↑ 177.45  | 10,558.96 |
|         | CAC 40     | ↑ 51.95   | 4,730.69  |
|         | Nikkei 225 | ↓ -62.85  | 20,014.77 |
| CHÂU Á  | Hang Seng  | ↓ -756.52 | 25,089.18 |
|         | Shanghai   | ↓ -28.61  | 2,465.29  |

(Nguồn: Marketwatch, ASEANSC tổng hợp,...)

Cập nhật ngày 02/01/2019

Language EN

## HỒI PHỤC BẤT THÀNH, VN-INDEX MẤT MỐC 900

### NHẬN ĐỊNH CỦA ASEANSC:

Thị trường về cuối phiên giao dịch diễn ra theo chiều hướng xấu, áp lực bán dâng cao trong khi lực cầu vẫn yếu đã khiến nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đồng loạt giảm sâu và đẩy các chỉ số lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Trong đó, VCS, SAB và HDB bất ngờ bị kéo xuống mốc giá sàn. Bên cạnh đó, các mã như BID, FPT, ROS, PVD, PVS, TCB hay VPB cũng đồng loạt giảm sâu. Chiều ngược lại, VIC, VNM, VRE hay PLX vẫn là nhân tố chính giúp kim hãm phần nào đã giảm của VN-Index.

Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 0,79 điểm (-0,09%) xuống 891,75 điểm. Toàn sàn có 105 mã tăng, 186 mã giảm và 47 mã đứng giá. HNX-Index giảm 1,56 điểm (-1,5%) xuống 102,67 điểm. Toàn sàn có 55 mã tăng, 72 mã giảm và 52 mã đứng giá.

Về kỹ thuật, đồ thị VN-Index xuất hiện cây nến đỏ thân thân ngắn thể hiện trạng thái giằng co ở phiên nay, khả năng cao Vindex tiếp tục tiếp cận vùng hỗ trợ 880 trong các phiên tới. Do đó, chúng tôi cho rằng, trong kịch bản tích cực, VN-Index sẽ hồi phục tại vùng hỗ trợ 880 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ tiếp theo dự báo ở mức 840 – 860. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

(\* ) Điều kiện sử dụng bản tin và khuyến cáo vui lòng xem trang 12

## II. TIN KINH TẾ TRONG NƯỚC NỔI BẬT

Ngày 02/01/2019: Trần tỷ giá giữ nguyên tại 23.510 đồng dù USD giảm mạnh

Năm 2018, GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, cao nhất kể từ năm 2012 đến nay.

Giá trị xử lý nợ xấu năm 2018 tăng khoảng 30% so với năm 2017

Dự phòng rủi ro tín dụng tăng khoảng 30,1% so với cuối năm 2017. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng so với nợ xấu báo cáo cải thiện lên mức 78,2% (năm 2017: 65,4%). Trong đó, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng chiếm 59,8%; thu nợ từ khách hàng chiếm 33,2%; bán phát mại tài sản chiếm 3%, còn lại bằng các hình thức khác. Một số ngân hàng thương mại đã tắt toán toàn bộ nợ xấu đã bán cho VAMC hoặc chủ động mua lại các khoản nợ đã bán cho VAMC để tự xử lý.

PMI sản xuất 2018 của Việt Nam cao nhất 7 năm

Tốc độ tăng trưởng của sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm đều cao hơn mức trung bình kể từ khi khảo sát bắt đầu vào tháng 3/2011. Trong đó, số lượng đơn đặt hàng mới tăng liên tiếp trong 37 tháng qua. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng mạnh trong tháng cuối năm. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh trong thời gian gần đây trong khi lượng công việc tồn đọng tăng tháng thứ hai liên tiếp buộc các nhà sản xuất phải tăng công suất và tuyển thêm nhân viên.

## III. TIN QUỐC TẾ NỔI BẬT

Dầu WTI rớt gần 25% trong năm 2018

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 2 trên sàn Nymex tiến 8 xu (tương đương 0.2%) lên 45.41 USD/thùng, nhưng đã rút khỏi đỉnh trong phiên là 46.53 USD/thùng. Hợp đồng này đã mất 10.8% trong tháng 12, lao dốc 38% trong quý 4 và sụt 24.8% trong năm 2018.

PMI sản xuất của Trung Quốc rớt ngưỡng 50

Chỉ số PMI sản xuất công nghiệp rơi xuống mức 49.4 trong tháng 12/2018, thấp nhất kể từ đầu năm 2016 và dưới ngưỡng 50 – một điều báo hiệu sự thu hẹp về hoạt động kinh tế. Các thước đo về số đơn đặt hàng mới và đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng giảm – một tín hiệu tiêu cực về nhu cầu trong tương lai, còn chỉ số giá nguyên liệu đầu vào và sản lượng đầu ra cũng suy yếu.

Nguồn: ASEANSC tổng hợp;...

**TỔNG HỢP DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**
**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**

|                   |   |                     |
|-------------------|---|---------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↓ | <b>-0,79/-0,09%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↓ | <b>891,75</b>       |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>111.518.574</b>  |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>2.721,14</b>     |
| Số mã tăng giá    | ↑ | <b>105</b>          |
| Số mã giảm giá    | ↓ | <b>186</b>          |
| Số mã đứng giá    | → | <b>87</b>           |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL    | Thay đổi |
|-----|------|------|------|------|-------|----------|
| HTV | 15   | 16.1 | 16.1 | 15   | 3,710 | ↑ 7.0%   |
| TTE | 11.5 | 11.5 | 11.5 | 10   | 1,360 | ↑ 7.0%   |
| DTT | 9.5  | 9.5  | 9.5  | 9.5  | 1,010 | ↑ 7.0%   |
| BTT | 35.5 | 35.5 | 35.5 | 32.2 | 7,230 | ↑ 6.9%   |
| HOT | 23.2 | 23.2 | 23.2 | 23.2 | 10    | ↑ 6.9%   |

**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**

|                   |   |                     |
|-------------------|---|---------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↓ | <b>-1,56/-1,50%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↓ | <b>102,67</b>       |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>20.654.805</b>   |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>313,42</b>       |
| Số mã tăng giá    | ↑ | <b>55</b>           |
| Số mã giảm giá    | ↓ | <b>72</b>           |
| Số mã đứng giá    | → | <b>249</b>          |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL     | Thay đổi |
|-----|------|------|------|------|--------|----------|
| ACM | 0.8  | 0.8  | 0.8  | 0.8  | 48,000 | ↑ 14.3%  |
| VIE | 18.7 | 18.7 | 18.7 | 18.7 | 200    | ↑ 10.0%  |
| SCL | 3.3  | 3.3  | 3.3  | 3.3  | 100    | ↑ 10.0%  |
| HGM | 42.3 | 42.3 | 42.3 | 42.3 | 100    | ↑ 9.9%   |
| PSE | 6.4  | 7.8  | 7.8  | 6.4  | 200    | ↑ 9.9%   |

**TỔNG QUAN GD NĐTNN**

| TỔNG KL (CÓ PHIẾU) | SÀN HCM          | SÀN HN       |
|--------------------|------------------|--------------|
| MUA                | 11,206,150       | 89,138       |
| BÁN                | 7,895,560        | 79,435       |
| <b>MUA - BÁN</b>   | <b>3,310,590</b> | <b>9,703</b> |

**IV. TỔNG QUAN GD NĐTNN**

Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên đầu năm 2019, tuy nhiên giảm về khối lượng và giá trị mua ròng cụ thể:

Trên Hose, HPG vẫn đứng đầu danh sách mua ròng của khối ngoại sàn HoSE với 36,7 tỷ đồng. VNM và CII được mua ròng lần lượt 33,5 tỷ đồng và 24,8 tỷ đồng. Trong khi đó, VJC đứng đầu danh sách bán ròng của khối ngoại với 20,6 tỷ đồng. NVL và CTG bị bán ròng lần lượt 6,6 tỷ đồng và 6,4 tỷ đồng.

Trên HNX, khối ngoại tập trung mua ròng DGC, SHS, PVS... và bán ra HUT, NRC, TV3...

(Nguồn: HOSE, HNX, ASEANSC tổng hợp;...)

**TỈ LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỈ SỐ VN-INDEX**

Vốn hóa thị trường (Ngày 28/12/2018):

2,877,200.00 tỷ đồng

Giá trị VN-INDEX (Ngày 28/12/2018):

892.54 điểm

Cập nhật ngày 02/01/2019

| Mã CK | Tỷ lệ ảnh hưởng | KL niêm yết   | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-   | %     | KL khớp   | Điểm ảnh hưởng |
|-------|-----------------|---------------|----------------|----------|-------|-------|-----------|----------------|
| VIC   | 10.6%           | 3,191,621,230 | 95.3           | 100.4    | 5.1   | 5.4%  | 602,450   | <b>5.05</b>    |
| VNM   | 7.3%            | 1,741,687,793 | 120            | 124      | 4.0   | 3.3%  | 403,570   | <b>2.16</b>    |
| VHM   | 6.8%            | 2,679,611,550 | 73.4           | 73.5     | 0.1   | 0.1%  | 334,420   | <b>0.09</b>    |
| VCB   | 6.7%            | 3,597,768,575 | 53.5           | 53.6     | 0.1   | 0.2%  | 1,081,640 | <b>0.11</b>    |
| SAB   | 6.0%            | 641,281,186   | 267.5          | 248.8    | -18.7 | -7.0% | 46,990    | <b>-3.72</b>   |
| GAS   | 5.8%            | 1,913,950,000 | 86.6           | 86.8     | 0.2   | 0.2%  | 417,520   | <b>0.12</b>    |
| BID   | 4.1%            | 3,418,715,334 | 34.4           | 33.5     | -0.9  | -2.6% | 805,700   | <b>-0.96</b>   |
| TCB   | 3.1%            | 3,496,592,160 | 25.85          | 25.6     | -0.3  | -1.0% | 1,329,030 | <b>-0.27</b>   |
| MSN   | 3.1%            | 1,163,149,548 | 77.5           | 78.6     | 1.1   | 1.4%  | 433,670   | <b>0.40</b>    |
| CTG   | 2.5%            | 3,723,404,556 | 19.3           | 19       | -0.3  | -1.6% | 2,420,340 | <b>-0.35</b>   |
| PLX   | 2.4%            | 1,293,878,081 | 53             | 54.4     | 1.4   | 2.6%  | 380,020   | <b>0.56</b>    |
| HPG   | 2.3%            | 2,123,907,166 | 30.95          | 30.8     | -0.2  | -0.5% | 4,196,210 | <b>-0.10</b>   |
| VJC   | 2.3%            | 541,611,334   | 120            | 117      | -3.0  | -2.5% | 509,920   | <b>-0.50</b>   |
| BVH   | 2.2%            | 700,886,434   | 89             | 89       | 0.0   | 0.0%  | 87,080    | <b>0.00</b>    |
| NVL   | 2.0%            | 907,455,928   | 64.2           | 64.5     | 0.3   | 0.5%  | 478,860   | <b>0.08</b>    |
| VRE   | 1.8%            | 1,901,078,733 | 27.9           | 28.8     | 0.9   | 3.2%  | 2,061,280 | <b>0.53</b>    |
| VPB   | 1.7%            | 2,456,748,366 | 19.95          | 19.4     | -0.6  | -2.8% | 1,037,420 | <b>-0.42</b>   |
| MBB   | 1.5%            | 2,160,451,381 | 19.45          | 19.35    | -0.1  | -0.5% | 3,645,490 | <b>-0.07</b>   |
| HDB   | 1.0%            | 980,999,979   | 30.3           | 28.2     | -2.1  | -6.9% | 723,350   | <b>-0.64</b>   |
| MWG   | 1.0%            | 323,169,521   | 87             | 85.5     | -1.5  | -1.7% | 351,730   | <b>-0.15</b>   |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, Cophieu68, HOSE)

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**

**VN-INDEX**



90% cash

10% stocks

Vùng hỗ trợ:

860-880

Vùng kháng cự:

900-920

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng)

Trung hạn (1 - 3 tháng)

Dài hạn (>3 tháng)



**HNX-INDEX**



90% cash

10% stocks

Vùng hỗ trợ:

101.0 - 102.0

Vùng kháng cự:

103.0 - 104.0

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng)

Trung hạn (1 - 3 tháng)

Dài hạn (>3 tháng)



**Nhận định:**

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ kiểm tra vùng kháng cự gần nhất tại 900 - 920 điểm.

**Khuyến nghị:**

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của VN-Index được dự báo nằm tại 880 điểm. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở vùng quanh 860 điểm

Trong kịch bản tích cực, vùng 900-920 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 920.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

**Nhận định:**

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng HNX-Index sẽ kiểm tra vùng kháng cự gần nhất tại 103.0 - 104.0 điểm.

**Khuyến nghị:**

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của HNX-Index được dự báo nằm tại 101.0 - 102.0 điểm, đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 101.0. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 99.0 - 100.0.

Trong kịch bản tích cực, vùng 103.0 - 104.0 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 104.0. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 105.0 - 106.0 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chứng khoán Mỹ

Cập nhật ngày 02/01/2019



- Xu hướng
- Ngắn hạn (< 1 tháng)
- ↓
- Trung hạn (1 - 3 tháng)
- ↓
- Dài hạn (>3 tháng)
- ↓

Chứng khoán Trung Quốc

Cập nhật ngày 02/01/2019



- Xu hướng
- Ngắn hạn (< 1 tháng)
- ↓
- Trung hạn (1 - 3 tháng)
- ↓
- Dài hạn (>3 tháng)
- ↓

Chứng khoán Nhật Bản

Cập nhật ngày 02/01/2019



- Xu hướng
- Ngắn hạn (< 1 tháng)
- ↓
- Trung hạn (1 - 3 tháng)
- ↓
- Dài hạn (>3 tháng)
- ↓

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, tradingview.com)

**ĐẦU TƯ THEO NHÓM NGÀNH**

| <b>Ngành</b> | <b>Cổ phiếu nổi bật</b>                     | <b>Triển vọng 2019</b> |
|--------------|---|------------------------|
| Bất động sản | VIC, PDR, DIG, DXG, SCR                     | Trung lập              |
| Cao su       | CSM, DRC, SRC                               | Trung lập              |
| Chứng khoán  | HCM, SSI, VND                               | Trung lập              |
| Công nghệ    | FPT, CMG, ELC                               | Trung lập              |
| Dầu khí      | GAS, PVD, PVS, PLX                          | Tiêu cực               |
| Dịch vụ      | PAN, SKG, VNG, DSN                          | Trung lập              |
| Dược phẩm    | DCL, DHG, DMC, IMP                          | Trung lập              |
| VLXD         | HT1, BCC, VGC                               | Trung lập              |
| Khoáng sản   | NBC, TC6, TCS, TDN                          | Trung lập              |
| Năng lượng   | BTP, PPC, VSH, NT2                          | Trung lập              |
| Ngân hàng    | VCB, BID, CTG, MBB, SHB, VPB, TPB, HDB, VIB | Trung lập              |
| Nhựa         | BMP, NTP, AAA                               | Trung lập              |
| Thép         | HPG, HSG, VGS, NKG                          | Tiêu cực               |
| Thủy sản     | FMC, HVG, IDI, VHC, ANV, MPC                | Tích cực               |
| Xây dựng     | CTD, VCG, HBC                               | Trung lập              |
| Phân bón     | DCM, DPM, BFC, LAS                          | Trung lập              |
| Dệt may      | TNG, TCM, GIL, EVE                          | Tích cực               |

Cập nhật ngày 02/01/2019

## GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI

| Năng lượng  | Giá hiện tại | Thay đổi |           |           |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|-----------|-----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần    | 1 Tháng   | 1 Năm   |                    |
| Crude Oil   | 44.8928 ↓    | -2.19% ↓ | -2.81% ↓  | -15.16% ↓ | -27.11% | 02/01/2019         |
| Brent       | 53.2761 ↓    | -2.04% ↓ | -2.12% ↓  | -13.58% ↓ | -21.41% | 02/01/2019         |
| Natural gas | 2.9845 ↑     | 0.44% ↓  | -15.64% ↓ | -31.12% ↓ | -0.64%  | 02/01/2019         |
| Gasoline    | 1.2885 ↓     | -1.73% ↓ | -3.13% ↓  | -9.96% ↓  | -28.30% | 02/01/2019         |
| Heating oil | 1.6587 ↓     | -1.49% ↓ | -4.27% ↓  | -12.08% ↓ | -20.52% | 02/01/2019         |
| Ethanol     | 1.236 ↓      | -0.32% ↑ | 0.32% ↑   | 0.49% ↓   | -6.22%  | 02/01/2019         |

| Kim loại  | Giá hiện tại | Thay đổi |         |          |         | Thời gian cập nhật |
|-----------|--------------|----------|---------|----------|---------|--------------------|
|           |              | 1 Ngày   | 1 Tuần  | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Palladium | 784.5 ↓      | -0.62% ↑ | 0.87% ↑ | 4.44% ↑  | 18.19%  | 02/01/2019         |
| Gold      | 1,283.3 ↑    | 0.25% ↑  | 1.32% ↑ | 4.27% ↓  | -2.22%  | 02/01/2019         |
| Silver    | 15.4 ↓       | -0.04% ↑ | 2.72% ↑ | 7.45% ↓  | -9.86%  | 02/01/2019         |
| Platinum  | 784.5 ↓      | -0.62% ↑ | 0.26% ↓ | -2.72% ↓ | -15.26% | 02/01/2019         |

| Nông nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Coffee      | 100.6 ↓      | -0.40% ↓ | -1.61% ↓ | -2.85% ↓ | -22.77% | 02/01/2019         |
| Canola      | 473.8 →      | 0.00% ↓  | -0.21% ↓ | -0.98% ↓ | -1.74%  | 02/01/2019         |
| Manganese   | 42.0 →       | 0.00% →  | 0.00% ↓  | -2.33% ↑ | 18.31%  | 02/01/2019         |
| Live Cattle | 124.8 ↑      | 0.58% ↑  | 1.80% ↑  | 5.70% ↑  | 0.47%   | 02/01/2019         |
| Sugar       | 12.1 ↓       | -2.66% ↓ | -2.74% ↓ | -6.58% ↓ | -21.33% | 02/01/2019         |
| Oat         | 275.3 ↑      | 0.17% ↓  | -0.09% ↓ | -4.01% ↑ | 12.58%  | 02/01/2019         |
| Soybeans    | 882.0 ↑      | 0.04% ↑  | 1.38% ↓  | -2.62% ↓ | -8.10%  | 02/01/2019         |
| Wheat       | 503.0 ↓      | -0.26% ↓ | -1.37% ↓ | -2.47% ↑ | 15.37%  | 02/01/2019         |
| Cotton      | 72.2 ↓       | -0.03% ↓ | -0.52% ↓ | -8.54% ↓ | -6.88%  | 02/01/2019         |
| Rice        | 10.1 ↑       | 0.14% ↓  | -3.37% ↓ | -7.66% ↓ | -12.53% | 02/01/2019         |
| Cheese      | 1.4 ↓        | -0.15% ↓ | -0.22% ↓ | -4.84% ↓ | -16.40% | 02/01/2019         |
| Palm Oil    | 2,004.0 ↓    | -0.45% ↓ | -2.48% ↑ | 10.54% ↓ | -18.93% | 02/01/2019         |
| Milk        | 13.8 ↓       | -0.07% ↓ | -0.07% ↓ | -4.43% ↓ | -10.38% | 02/01/2019         |
| Rubber      | 171.1 ↓      | -0.52% ↓ | -0.98% ↑ | 23.81% ↓ | -17.02% | 02/01/2019         |

| Công nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Oat         | 275.3 ↑      | 0.17% ↓  | -0.09% ↓ | -4.01% ↑ | 12.58%  | 02/01/2019         |
| Copper      | 2.6 ↑        | 0.65% ↓  | -2.38% ↓ | -5.55% ↓ | -18.32% | 02/01/2019         |
| Steel       | 3,834.0 ↓    | -0.47% ↓ | -0.54% ↑ | 3.62% ↓  | -9.10%  | 02/01/2019         |
| Cobalt      | 55,000.0 →   | 0.00% →  | 0.00% →  | 0.00% ↓  | -26.91% | 02/01/2019         |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, tradingeconomics.com)

**DANH MỤC CỦA CANSLIM**
**CÁC KHUYẾN NGHỊ CÒN MỞ TRẠNG THÁI**

| Mã CP              | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ghi chú |
|--------------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|---------|
| <b>Trung bình:</b> |         |            |             |              |              |                  | <b>#DIV/0!</b>  |            |         |

**CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG TRONG THÁNG**

| Mã CP              | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ngày đóng TT |
|--------------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|--------------|
| VNM                | Mua     | Đóng       | 115.0       | 138.0        | 140.0        | 21.7%            | 20.0%           | 27/01/2016 | 17/03/2016   |
| BTP                | Mua     | Đóng       | 11.4        | 15.8         | 15.3         | 34.2%            | 38.6%           | 16/02/2016 | 25/03/2016   |
| INN                | Mua     | Đóng       | 36.0        | 49.8         | 49.0         | 36.1%            | 38.3%           | 19/01/2016 | 13/04/2016   |
| KBC                | Mua     | Mở         | 13.1        | 15.0         | 15.5         | 18.3%            | 14.5%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BPC                | Mua     | Mở         | 12.4        | 17.5         | 20.0         | 61.3%            | 41.1%           | 20/01/2016 | 08/06/2016   |
| PMC                | Mua     | Mở         | 49.0        | 60.7         | 72.4         | 47.8%            | 23.9%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BCC                | Mua     | Mở         | 14.8        | 19.1         | 18.4         | 24.3%            | 29.1%           | 19/12/2016 | 20/02/2017   |
| HVT                | Mua     | Mở         | 19.5        | 27.8         | 25.0         | 28.2%            | 42.6%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| NLG                | Mua     | Mở         | 21.8        | 26.8         | 27.8         | 27.5%            | 22.7%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| VNM                | Mua     | Mở         | 124.6       | 151.7        | 150.0        | 20.4%            | 21.7%           | 20/12/2016 | 29/05/2017   |
| DVN                | Mua     | Mở         | 16.1        | 27.7         | 28.0         | 73.9%            | 72.0%           | 14/11/2017 | 24/01/2018   |
| PGC                | Mua     | Mở         | 13.5        | 17.2         | 24.1         | 78.5%            | 27.4%           | 04/05/2017 | 05/02/2018   |
| <b>Trung bình:</b> |         |            |             |              |              |                  | <b>32.7%</b>    |            |              |

Cập nhật ngày 02/01/2019

**BÁO CÁO CÔNG TY (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên công ty | Ngày phát hành | Khuyến nghị           | Giá mục tiêu         | Chi tiết      |
|-------------|----------------|-----------------------|----------------------|---------------|
| DVN         | 05/04/2018     | <b>Mua [+82%]</b>     | 33.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| SHB         | 26/02/2018     | <b>Nắm giữ [-5%]</b>  | 12.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| IJC         | 15/11/2017     | <b>Mua [+30%]</b>     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| NTL         | 14/11/2017     | <b>Mua [+24%]</b>     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| VPB         | 17/08/2017     | <b>Mua [+26%]</b>     | 49.200 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| DRC         | 27/07/2017     | <b>Bán [-21%]</b>     | 21.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| LTG         | 26/07/2017     | <b>Bán [-19%]</b>     | 44.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| VGC         | 27/06/2017     | <b>Nắm giữ [-8%]</b>  | 17.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| LIC         | 31/05/2017     | <b>Không đánh giá</b> |                      | N/A Tài xuống |
| VGC         | 25/05/2017     | <b>Mua [+41%]</b>     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| CTF         | 23/05/2017     | <b>Nắm giữ [+9%]</b>  | 13.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| CDN         | 22/05/2017     | <b>Mua [+29%]</b>     | 30.800 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| DP2         | 19/05/2017     | <b>Không đánh giá</b> |                      | N/A Tài xuống |
| DVN         | 18/05/2017     | <b>Mua [+282%]</b>    | 39.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| CSV         | 10/05/2017     | <b>Mua [+69%]</b>     | 50.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| TRC         | 09/05/2017     | <b>Nắm giữ [+8%]</b>  | 31.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| PGC         | 28/04/2017     | <b>Mua [+81%]</b>     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| TMT         | 21/04/2017     | <b>Nắm giữ [+3%]</b>  | 13.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| VTG         | 23/03/2017     | <b>Mua [+29%]</b>     | 14.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| DIG         | 23/03/2017     | <b>Nắm giữ [+0%]</b>  | 9.100 đồng/cổ phiếu  | Tài xuống     |
| TMT         | 20/03/2017     | <b>Mua [+42%]</b>     | 18.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |
| CMC         | 20/03/2017     | <b>Mua [+160%]</b>    | 13.500 đồng/cổ phiếu | Tài xuống     |

| Khuyến nghị      | Diễn giải  |
|------------------|--|
| Kỳ vọng 12 tháng |  |
| <b>Mua</b>       | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15%       |
| <b>Nắm giữ</b>   | Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15% |
| <b>Bán</b>       | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15%     |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-cong-ty>

**BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| <b>Tên báo cáo</b>                                    | <b>Chi tiết</b> |
|---|-----------------|
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Quý 2/2018         | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Quý 1/2018         | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Phân bón – Quý 1/2018          | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Thép – Quý 1/2018              | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Quý 1/2018         | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Săm lốp – Quý 4/2017           | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Quý 2/2017           | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Quý 2/2017       | Tải xuống       |
| Báo cáo triển vọng ngành 2017 - ASEANSC               | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Bất động sản – Tháng 6/2016    | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Sản xuất thép – Tháng 6/2016   | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Tháng 5/2016       | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Dịch vụ du lịch – Tháng 5/2016 | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Thủy sản – Tháng 4/2016        | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Tháng 4/2016       | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Khu công nghiệp – Tháng 3/2016 | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Tháng 3/2016     | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Cảng biển – Tháng 3/2016       | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Cao su tự nhiên – Tháng 2/2016 | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Nhiệt điện – Tháng 2/2016      | Tải xuống       |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Tháng 2/2016         | Tải xuống       |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-nganh>

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| <b>Tên báo cáo</b>   | <b>Chi tiết</b> |
|--|-----------------|
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BID, CTG (25/09/2018)           | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNM, VIC, MSN, GAS (22/03/2018) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BID, CTG, VCB, MBB (21/03/2018) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LIX, LM8, LSS, MBB (18/10/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LCG, LDG, LHG, BCC (13/10/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM (25/08/2017)                | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHB (23/08/2017)                | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – NTL (28/07/2017)                | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – PVD (24/07/2017)                | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HUT (21/07/2017)                | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VGS (20/07/2017)                | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – KDC, KDH, KMR, KLF (18/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – IVS, ITA, ITD, KBC (17/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HT1, HTI, HVG, IDI (13/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HNG, HPG, HQC, HSG (12/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HBC, HCM, HDC, HHS (11/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HAG, HAH, HAI, HAR (10/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – FMC, FPT, GAS, GMD (06/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – EIB, ELC, FCM, FLC (05/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DPM, DQC, DRC, DXG (04/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DHM, DIC, DRH, DLG (03/07/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM, DCL, DCS, DIG (30/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DBC, EVE, FCN, FIT (29/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CSM, CCL, CNG, CLL (28/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CMG, CTD, CTG, CVT (26/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BMI, BVS, BVH, BTP (23/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BHS, BCG, CEO, CII (22/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – AAA, ACB, BID, BIC (21/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VTO, TNG, VIX, MBS (20/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNE, VNM, VSC, VSH (19/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VIS, VHG, VIC, VIP (16/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VCG, VGS, VND, VKC (15/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TIG, TVS, VCB, VHC (14/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TCL, TCM, TDH, TSC (13/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SVC, SCR, VNS, TLH (12/06/2017) | Tài xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHS, SRC, SJS, STB (09/06/2017) | Tài xuống       |

 Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-phan-tich-ky-thuat>

**LỊCH SỰ KIỆN CHỨNG KHOÁN NỘI BẬT**

| Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC | Ngày TH    | Mã CK | Sàn   | Nội dung sự kiện                               | Giá HT | Thay đổi      |
|------------|-----------|------------|-------|-------|--|--------|---------------|
| 1/0/1900   | 1/0/1900  | 2/1/2019   | SFI   | HOSE  | Niêm yết cổ phiếu bổ sung - 590,007 CP         | 26.7   | -0.1 (-0.37%) |
| 1/0/1900   | 1/0/1900  | 2/1/2019   | PAN   | HOSE  | Niêm yết cổ phiếu bổ sung - 2,500,000 CP       | 43.3   | -0.2 (-0.46%) |
| 1/0/1900   | 1/0/1900  | 2/1/2019   | TVS   | HOSE  | Giao dịch bổ sung - 428,700 CP                 | 13.4   | 0 (0%)        |
| 2/1/2019   | 3/1/2019  | 2/1/2019   | DSN   | HOSE  | Hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019                 | 58.9   | -0.4 (-0.67%) |
| 2/1/2019   | 3/12/2018 | 18/01/2019 | DSN   | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền, 3,600 đồng/CP            | 58.9   | 0 (0%)        |
| 1/0/1900   | 1/0/1900  | 2/1/2019   | OIL   | UPCoM | Giao dịch bổ sung - 980,900 CP                 | 14.8   | -1.5 (-9.2%)  |
| 1/0/1900   | 1/0/1900  | 2/1/2019   | BTN   | UPCoM | Giao dịch bổ sung - 1,465,570 CP               | 7.4    | 0 (0%)        |
| 3/1/2019   | 4/1/2019  | 1/0/1900   | PIT   | HOSE  | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 5.11   | 0 (0%)        |
| 3/1/2019   | 4/1/2019  | 18/01/2019 | PSL   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 5,000 đồng/CP   | 34.5   | 0.3 (0.88%)   |
| 3/1/2019   | 4/1/2019  | 17/01/2019 | RCL   | HNX   | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 700 đồng/CP   | 26     | 0 (0%)        |
| 3/1/2019   | 4/1/2019  | 1/0/1900   | SVN   | HNX   | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018                  | 1.1    | 0 (0%)        |
| 4/1/2019   | 7/1/2019  | 1/0/1900   | TC6   | HNX   | Hợp ĐHCĐ bất thường năm 2018                   | 5.5    | 0 (0%)        |
| 4/1/2019   | 7/1/2019  | 23/01/2019 | SMA   | HOSE  | Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 300 đồng/CP     | 13.1   | 0 (0%)        |
| 4/1/2019   | 7/1/2019  | 28/01/2019 | CTR   | UPCoM | Hợp ĐHĐCĐ bất thường năm 2018                  | 20.4   | 0 (0%)        |
| 4/1/2019   | 7/1/2019  | 1/0/1900   | NNG   | UPCoM | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 7.2    | 0.6 (9.09%)   |
| 4/1/2019   | 7/1/2019  | 30/01/2019 | TRA   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 1/2018 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | 70     | 0 (0%)        |
| 4/1/2019   | 7/1/2019  | 10/1/2019  | VEF   | UPCoM | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2019                  | 13.8   | 0 (0%)        |
| 4/1/2019   | 7/1/2019  | 15/01/2019 | EAD   | UPCoM | Trả cổ tức đợt 1/2018 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | 10.8   | 0 (0%)        |
| 7/1/2019   | 8/1/2019  | 1/0/1900   | BHN   | HOSE  | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 82     | 1 (1.23%)     |
| 8/1/2019   | 9/1/2019  | 21/01/2019 | A32   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   | 32     | 1.8 (5.96%)   |
| 8/1/2019   | 9/1/2019  | 29/01/2019 | MPC   | UPCoM | Hợp ĐHĐCĐ bất thường năm 2019                  | 39.4   | -0.3 (-0.76%) |
| 8/1/2019   | 9/1/2019  | 1/0/1900   | VKD   | UPCoM | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 15.2   | 0 (0%)        |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, HOSE, HNX,...)

**ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG BẢN TIN VÀ KHUYẾN CÁO**

Điều kiện sử dụng bản tin: Bản tin nhận định thị trường này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN cung cấp cho một bộ phận khách hàng nhất định có mở tài khoản tại Công ty. Mọi sự cung cấp khi chưa được sự đồng ý của Công ty đều bị coi là vi phạm bản quyền.

Khuyến cáo: Nội dung trong bản tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN tổng hợp và phân tích từ các nguồn thông tin đại chúng được xem là đáng tin cậy và chỉ đơn thuần phục vụ mục đích tham khảo. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ quyết định mua hay bán khi khách hàng sử dụng các thông tin trên.